

CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2017  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

| Số<br>Thứ<br>tự | Tên Doanh<br>nghiệp                                                | Lĩnh<br>vực<br>kinh<br>doanh             | Tổng tài sản  |                             |              |                                 |                    |                                          |             |                                 | Tổng nguồn vốn           |                         |                              |                                              |                                 |                                 |                   |                              |             |
|-----------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------|-----------------------------|--------------|---------------------------------|--------------------|------------------------------------------|-------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------|------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------|------------------------------|-------------|
|                 |                                                                    |                                          | Tổng số       | Trong đó:                   |              |                                 |                    |                                          |             |                                 | Tổng số<br>(Mã 300 CĐKT) | Nợ phải trả             |                              |                                              | Nguồn kinh<br>phí và các<br>quỹ | Vốn chủ sở hữu<br>(Mã 410 CĐKT) |                   | Tỷ lệ sở hữu<br>của nhà nước |             |
|                 |                                                                    |                                          |               | Tiền và tương<br>đương tiền | Hàng tồn kho | Đầu tư tài<br>chính ngắn<br>hạn | Tài sản cố<br>định | Chi phí<br>XDCB dở<br>dang và TS<br>khác | Nợ phải thu | Nợ<br>phải<br>thu<br>khó<br>đòi |                          | Nợ phải trả<br>ngắn hạn | Nợ<br>phải<br>trả dài<br>hạn | Nợ vay<br>(vay<br>ngắn hạn<br>và dài<br>hạn) |                                 | Cùng kỳ năm<br>2016             | Đến<br>31/12/2017 | Cùng<br>kỳ<br>năm<br>2016    | Năm<br>2017 |
|                 |                                                                    |                                          |               |                             |              |                                 |                    |                                          |             |                                 |                          |                         |                              |                                              |                                 |                                 |                   |                              |             |
| 1               | Bảo hiểm tiền<br>gửi Việt Nam                                      | Bảo<br>hiểm<br>tiền gửi                  | 40.787.337    | 259.965                     | 627          | 38.076.112                      | 461.695            | 298.368                                  | 1.690.570   | -                               | 40.787.337               | 34.893.822              | -                            | -                                            | 142.088                         | 5.687.606                       | 5.751.427         | 100%                         | 100%        |
| 2               | Công ty TNHH<br>MTV quản lý<br>tài sản của các<br>TCTD Việt<br>Nam | Mua,<br>bán nợ<br>xấu của<br>các<br>TCTD | 203.988.130   | 17.990.389                  | 183.207.638  |                                 |                    | 2.234                                    |             |                                 | 203.988.130              |                         |                              |                                              |                                 | 538.786                         | 2.058.781         | 100%                         | 100%        |
| 3               | Ngân hàng<br>Nông nghiệp<br>và phát triển<br>nông thôn             | Tài<br>chính -<br>Ngân<br>hàng           | 1.152.904.140 |                             |              |                                 |                    |                                          |             |                                 | 1.152.904.140            |                         |                              |                                              | 44.325.489                      | 48.528.602                      | 100%              | 100%                         |             |
| Tổng            |                                                                    |                                          | 1.397.679.607 | 18.250.354                  | 183.208.265  | 38.076.112                      | 461.695            | 300.602                                  | 1.690.570   | -                               | 1.397.679.607            | 34.893.822              | -                            | -                                            | 44.467.577                      | 54.754.994                      | 7.810.209         |                              |             |

Ngày 40 tháng 6 năm 2018

KT.ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

V. CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG

PHÓ CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG



Trần Đăng Phi